TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày: 30-9-2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lý Thị Đoàn
- *Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Dụ
  Bà Bạch Thị Hồng Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2019/TLPT – DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc kiện Tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Đồng Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 (đều có mặt).

Đều cư trú tại: Số nhà 04, tổ 15, phường H, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Đồng Bị đơn: Bà Đặng Thị Tuyết G, sinh năm 1986 và ông Vũ Tiến P, sinh năm 1980 (đều có mặt)

Đều cư trú tại: Số nhà 03, tổ 17, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 (có mặt).

Cư trú tại: Xóm K, xã Y, thành phố Hòa Bình,tỉnh Hòa Bình.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Tuyết G: Ông Đan Tiếp Phúc – Luật sư văn phòng Luật sư Đan Tiếp Phúc – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hoà Bình. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G.

6. Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có sự quen biết, nên vào ngày 01/12/2011 ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M có cho bà Đặng Thị Tuyết G vay số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Thời hạn vay 01 tháng, không có lãi. Sau đó bà G có gửi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên hộ ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Đội 5, xóm K, xã Y, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình để làm tin. Đến ngày 15/12/2011 bà G trả cho ông H, bà M số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), còn nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Tiếp đến, ngày 20/6/2013 ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M lại cho bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay 01 tháng, không có lãi suất. Cả hai lần vay đều lập giấy vay tiền và hai bên ký nhận.

Quá thời hạn cho vay, nhiều lần ông H và bà M yêu cầu vợ chồng ông P và bà G trả nợ nhưng ông P, bà G không trả và cho rằng không có việc vay mượn. Nay ông H, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và phải chịu lãi theo quy định của pháp luật. Ông H, bà M cung cấp bản gốc giấy vay tiền đề ngày 01/12/2011 và ngày 20/6/2013.

Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P có ý kiến như sau:

Ông P và bà G khẳng định, không có việc vay tiền của ông H và bà M và cũng không được ký vào bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến ông H, bà M. Ông P, bà G đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ ngày tháng cụ thể thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L. Việc Toà án dùng các mẫu chữ ký để làm tài liệu so sánh cho việc giám định, không hỏi ý kiến vợ chồng ông P và bà G là không đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L có ý kiến: Việc ông P, bà G vay tiền ông H và bà M ông hoàn toàn không liên quan gì, ông P và bà G dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để thế chấp vay tiền của người khác là không đúng. Do vậy ông P, bà G phải có trách nhiệm lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho ông Nguyễn Văn L.

Ngày 02/01/2019 ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình giám định chữ ký, chữ viết Đặng Thị Tuyết G và Vũ Tiến P trong 02 giấy vay nợ. Tại kết luận giám định số 06/KLGĐ-CAT-PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh

Hoà Bình kết luận: "*Chữ ký, chữ viết họ tên Đặng Thị Tuyết G dưới mục Người vay trên Giấy vay tiền vay hộ ngày 01/12/2011 (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết họ tên Đặng Tuyết G dưới mục Vợ ký trên Giấy vay tiền đề ngày 20/6/2013 (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết họ tên Đặng Thị Tuyết G trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, chữ viết họ tên Vũ Tiến P dưới mục Người vay chồng trên Giấy vay tiền ngày 20/6/2013 (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết họ tên Vũ Tiến P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M4) do cùng một người ký và viết ra".*

Ngày 12/4/2019 ông Vũ Tiến P, bà Đặng Thị Tuyết G có đơn đề nghị Viện khoa L hình sự - Bộ công an giám định lại.

Tại kết luận giám định số 97/C09-P5 ngày 29/5/2019 của Viện khoa L hình sự - Bộ công an kết luận: "*Chữ ký, các chữ " Đặng Thị Tuyết G" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, các chữ "Đặng Tuyết G" dưới mục "Vợ ký" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Tuyết G trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, các chữ "Vũ Tiến P" dưới mục "Người vay chồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Tiến P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 do cùng một người ký và viết ra".*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS - ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự (2015); Điều 688 của Bộ luật dân sự (2015); Điều 255, 256, 290, 298, 427, 476, 290, 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự (2005); Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M khởi kiện ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản";

Buộc ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M tổng số tiền là: 102.056.096 đ (Một trăm linh hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn không trăm chín sáu đồng); Trong đó: Tiền vay gốc là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng); Tiền lãi là 37.721.096 đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); Tiền chi phí giám định là 4.335.000đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên hộ ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Đội 5, xóm Khang Mời, xã Yên Mông, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình để trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, theo Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT –VKS-DS. Do Bản án sơ thẩm có vi phạm về nội dung, kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 07 tháng 7 năm 2019, ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 10/9/2019 bà Đặng Thị Tuyết G cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm các tài liệu sau:

+ Biên bản về việc giải quyết theo thông báo số 31/TB-Vp ngày 30/5/2019 của VP HĐND và UBND thành phố Hoà Bình đề ngày 06/8/2019.

+ Bản chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trang bổ sung giấy chứng nhận mang tên bà Đặng Thị Tuyết G thửa số 84 tờ bản đồ 21 – địa chỉ: Tổ 17, phường T, Tp Hoà Bình.

+ Hợp đồng thuê nhà đề ngày 11/8/2014, bên cho thuê nhà ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M, bên thuê nhà Vũ Tiến P.

+ Giấy vay tiền đề ngày 20/2/2012, người viết giấy Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G giữ nguyên kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Tuyết G: Đồng ý với ý kiến của bà G. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật cần giải quyết, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản; Bản án sơ thẩm còn xác định trách nhiệm liên đới của ông P, bà G đối với khoản

vay ngày 01/12/2011 là vi phạm, không có căn cứ pháp luật; Xác định lại mức án phí mà các đương sự phải thi hành. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình và đơn kháng cáo của ông Vũ Tiến P, bà Đặng Thị Tuyết G trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2].Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình:

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 01/12/2011 ông H và bà M có cho bà G vay 70.000.000 đồng, bà G đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Đến ngày 20/6/2013 ông H và bà M cho vợ chồng ông P, bà G vay tiếp 30.000.000 đồng. Cả hai lần vay thời hạn cho vay là 01 tháng, không có lãi suất và đều có giấy biên nhận.

Ngày 03/10/2018 ông H, bà M có đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu giải quyết. Ngày 10/10/2018 Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình đã thụ lý vụ án về việc kiện Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Việc Toà án thành phố Hoà Bình thụ lý vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là không đúng vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Căn cứ khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn điều 23 về thời hiệu khởi kiện quy định tại điều 159 bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định đối với hai khoản tiền cho vay này đã quá thời hiệu khởi kiện 02 năm, nên không còn thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại khoản khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì cần phải xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản và áp dụng điều 256, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án đòi số tiền gốc 60 triệu đồng và không chấp nhận yêu cầu tính lãi của đồng Nguyên đơn.

Việc xác định trách nhiệm liên đới của ông P đối với khoản vay ngày 01/12/2011 giữa bà Đặng Thị Tuyết G và vợ chồng ông H, bà M số tiền 70 triệu đồng, ngày 15/12/2011 bà G đã trả được 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trên giấy vay tiền đề ngày 01/12/2011 không có chữ ký Người vay là ông Vũ Tiến P, chỉ có chữ ký của bà G, hơn nữa bà G cũng không chứng minh được khoản vay trên dùng vào việc chung của gia đình. Nên việc cấp sơ thẩm buộc ông Vũ Tiến P có trách nhiệm liên đới trả cho ông H, bà M số tiền nợ còn lại là 30.000.000 đồng(theo giấy vay ngày 01/12/2011) là không đúng.

Do đây là tranh chấp kiện đòi tài sản nên yêu cầu tính lãi của ông H, bà M không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc ông P, bà G trả khoản tiền lãi 37.721.096 đồng là không đúng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Xét kháng cáo của ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G:

Hội đồng xét xử xét thấy: Kết luận giám định số 06/KLGĐ-CAT-PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình và kết luận giám định số 97/C09-P5 ngày 29/5/2019 của Viện khoa L hình sự - Bộ công an đều kết luận: "*Chữ ký, các chữ ký " Đặng Thị Tuyết G" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, các chữ "Đặng Tuyết G" dưới mục "Vợ ký" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Tuyết G trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, các chữ "Vũ Tiến P" dưới mục "Người vay chồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Tiến P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 do cùng một người ký và viết ra".* Sau khi có kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình, ông P, bà G đã yêu cầu giám định lại tại Viện khoa L hình sự - Bộ công an. Sau khi có kết quả giám định của Viện khoa L hình sự - Bộ công an ông P, bà G không có ý kiến và khiếu nại gì.

Việc giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình và Viện khoa L hình sự - Bộ công an đã tuân thủ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Nên việc ông P, bà G cho rằng việc giám định không đúng là không có căn cứ.

Như vậy có căn cứ để khẳng định: Trên giấy vay tiền đề ngày 01/12/2011 chữ ký, chữ Viết Đặng Thị Tuyết G dưới mục Người vay là do bà Đặng Thị Tuyết G ký và viết; Trên giấy vay tiền đề ngày 20/6/2013 chữ ký, chữ viết dưới mục Vợ ký, Người chồng ký là chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P. Ông P, bà G cho rằng thực tế không có việc vay tiền của ông H, bà M và cũng không được ký vào bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến ông H, bà M là không đúng. Tại phiên toà phúc thẩm ngoài những chứng cứ đã nộp tại cấp sơ thẩm, bà G, ông P không đưa ra được những chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để xem xét. Đồng thời ông P khẳng định có được vay 30 triệu của ông H, bà M, chữ ký và chữ viết Vũ Tiến P trong giấy vay ngày 20/6/2013 đúng là chữ ký, chữ viết của ông nhưng là vay hộ người khác mà ông bà không được chi tiêu. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông ký vào giấy vay nợ là ông phải chịu trách nhiệm trả, còn ông vay hộ người khác không liên quan trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông P, bà G.

Xét các giấy tờ, tài liệu bà Đặng Thị Tuyết G đã giao nộp ngày 10/9/2019 cho Toà án cấp phúc thẩm không liên quan gì đến vụ án đang giải quyết, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông P, bà G và vợ chồng ông H, bà M. Nên việc ông P, bà G dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn L để làm tin vay tiền của ông H, bà M là không đúng. Cấp sơ thẩm buộc Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà G và ông P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho ông L là có cơ sở.

Do ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình của ông ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M, và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình chứng minh yêu cầu của ông H, bà M là có căn cứ. Nên Cấp sơ thẩm buộc ông P, bà G trả ông H, bà M tiền chi phí giám định 4.335.000 đồng là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã xác định sai quan hệ tranh chấp và buộc ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G phải chịu 5.102.000 đồng (năm triệu, một trăm linh hai nghìn đồng) tiền án phí là không đúng. Nên cần được khắc phục ở cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, bác đơn kháng cáo của ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình.

[4].Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Ông P, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những căn cứ, nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào điều 256, 474, 298 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 147, 148, 161 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình.

2. Bác đơn kháng cáo của Bị đơn Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, cụ thể:

[1].Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M.

[2]. Buộc bà Đặng Thị Tuyết G có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng).*

Buộc ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết G và ông Vũ Tiến P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Đội 5, xóm Khang Mời, xã Yên Mông, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình để trả lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L.

[3]. Về án phí:

Ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002025 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình, nay được đối trừ.

Trả lại cho ông Vũ Tiến P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002026 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* đã nộp, theo biên lai thu tiền số: 0005424, ngày 10/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

[4]- Về chi phí giám định:

Ông Vũ Tiến P và bà Đặng Thị Tuyết G phải trả cho ông H, bà M 4.335.000 đồng *(bốn triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/9/2019.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại HN*
- *VKSND cấp cao tại HN*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND Tp Hoà Bình, tỉnh HB*
- *Chi cục THADS TP Hoà Bình, tỉnh HB*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Đoàn

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn Thinh tự nguyện nộp số tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Nguyễn Văn Thinh đã nộp đủ.

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Ninh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà Bùi Thị Ninh đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương sơn theo biên lai số 0000431 ngày 20 tháng 02 năm 2019, nay được đối trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/5/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dụ **Bạch Thị Hồng Hoa** **Lý Thị Đoàn**